

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2021

“V/v: ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Q**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 01, phường Ngô Mây, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 01, phường Ngô Mây, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Q trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn nhau năm 2000 tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tôi và ông H chung sống hạnh phúc đến 5 năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến kinh cãi nhiều lần, nguyên nhân vì ông H không có trách nhiệm với gia đình, con cái, không lo chu cấp tiền nuôi con ăn học, ông H không có lập trường, ngoài ra tôi và ông H không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tôi và ông H đã không còn chung sống như vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, tôi thấy mục đích hôn nhân giữa tôi và ông H không còn nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết cho tôi ly hôn với ông H.

Về con chung: Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Y, sinh ngày 19/9/2004, tôi không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thị

Trúc Quy, sinh ngày 29/5/2002, hiện cháu Quy đã thành niên trên 18 tuổi, có khả năng tự lực được nên không yêu cầu phải giải quyết

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong bản tự khai và trong quá trình hòa giải ông H trình bày:

Tôi không đồng ý với lý do mâu thuẫn mà bà Q đưa ra, nếu tôi sống thiếu trách nhiệm thì từ khi cưới đến nay hơn 20 năm, trong thời gian đó nếu tôi thiếu trách nhiệm thì đã ly hôn lâu rồi chứ không phải tới hôm nay, theo tôi, lý do vợ tôi đòi ly hôn là vợ tôi ra ngoài có người đàn ông khác nên mới muốn ly hôn với tôi chứ không phải tôi sống thiếu trách nhiệm. Nay tôi thấy tình cảm tôi với vợ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy nhiên vì bức xúc nên tôi muốn níu kéo bà Q, tôi không đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: Tôi và bà Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc Quy, sinh ngày 29/5/2002, hiện cháu Quy đã thành niên trên 18 tuổi, có khả năng tự lực được nên không yêu cầu phải giải quyết. Cháu Nguyễn Y, sinh ngày 19/9/2004. Nếu bà Q cương quyết ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi cháu Su.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Tổ 1, phường Ngô Mây, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có văn bản nêu rõ lý do, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Q với ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà Q và ông H có mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Q là do ông H thiếu trách nhiệm của người chồng; còn theo ông H thì nguyên nhân là do bà Q có người đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng nay không còn, nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H. Ông H thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì bức xúc nên ông muốn níu kéo tình cảm, không muốn ly hôn bà Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy bà Q và ông H đều đưa ra lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là khác nhau, nhưng cả hai người đều thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn hạnh phúc. Tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông H như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

nên bà Nguyễn Thị Quyền yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Ông H đã thừa nhận tình cảm của ông hiện nay với bà Q không còn, đời sống chung không còn hạnh phúc, nhưng không đồng ý ly hôn mà muốn níu kéo hôn nhân với bà Q chỉ vì quá bức xúc. Việc ông H nêu ra lý do như vậy để không đồng ý ly hôn là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không thể chấp nhận ý kiến này của ông H.

[3] Về con chung: Bà Q yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Y, sinh ngày 19/9/2004, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng đề nghị được nuôi cháu Su. Xét cháu Su hiện nay đã trên 07 tuổi, trong bản trình bày ý kiến cháu Su muốn sống với mẹ. Bà Q và ông H đều là người đủ sức khỏe, có công ăn việc làm, đủ điều kiện nuôi dạy cháu Su, tuy nhiên, xét hiện nay cháu Su đang ở với bà Q và nguyện vọng cháu Su là muốn ở với mẹ, do đó giao cháu Su cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp hơn.

Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu và ông H không có ý tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn cháu Nguyễn Thị Trúc Quy, sinh ngày 29/5/2002, hiện cháu Quy đã thành niên trên 18 tuổi, có khả năng lao động được, bà Q và ông H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Q và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Trương Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Q:

- Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Q ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Y, sinh ngày 19/9/2004 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trong khi cháu Su chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Bà Trương Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004599 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, bà Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (22/3/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S, Tx A;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(**đã ký**)

Lê Long Sơn